ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012

Đợt 2 - Ngày thi 22, 23 tháng 9 năm 2012

Ngành Kỹ thuật Cơ khí - Chuyên ngành Cơ khí Chế tạo máy - ĐH Chính quy

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
1	LT12-201	Nguyễn Tuấn Anh	13/08/1989	Nam	Sán Dìu	TP Thái Nguyên	1	2	6.50	7.00	2.5	**16.00**
2	LT12-202	Lý Văn Ba	06/02/1992	Nam	Tày	Lạng Sơn	1	1	6.50	6.50	3.5	**16.50**
3	LT12-203	Nguyễn Văn Bắc	08/09/1991	Nam	Kinh	Thái Bình	0	2	7.00	8.00	0.5	**15.50**
4	LT12-204	Phạm Thanh Bình	26/08/1990	Nam	Kinh	Định Hoá -Thái Nguyên	0	1	7.50	7.50	1.5	**16.50**
5	LT12-205	Cao Đình Chiến	05/08/1991	Nam	Kinh	Tĩnh Gia -Thanh Hoá	0	1	7.00	6.00	1.5	**14.50**
6	LT12-206	Nguyễn Văn Chinh	12/08/1991	Nam	Kinh	Trấn Yên - Yên Bái	0	1	7.00	8.50	1.5	**17.00**
7	LT12-207	Lưu Văn Chương	25/10/1991	Nam	Kinh	Tân Kỳ-Nghệ An	0	1	6.00	8.50	1.5	**16.00**
8	LT12-208	Lê Đức Công	20/08/1985	Nam	Kinh	Định Hóa-Thái Nguyên	0	1	6.50	8.50	1.5	**16.50**
9	LT12-209	Mai Văn Cường	16/07/1991	Nam	Kinh	Nghĩa Hưng-Nam Định	0	KV2-NT	6.00	7.50	1	**14.50**
10	LT12-210	Nghiêm Văn Cường	18/08/1990	Nam	Kinh	Lạng Giang-Bắc Giang	0	1	5.00	8.00	1.5	**14.50**
11	LT12-211	Phạm Tiến Cường	29/04/1979	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	1	5.50	7.50	1.5	**14.50**
12	LT12-212	Phạm Hữu Dân	25/04/1988	Nam	Kinh	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	6.50	7.00	1.5	**15.00**
13	LT12-213	Vàng Văn Dáng	08/02/1991	Nam	Tày	Bảo Thắng - Lào Cai	1	1	5.50	8.50	3.5	**17.50**
14	LT12-214	Trịnh Khắc Đạt	10/08/1991	Nam	Kinh	Thọ Xuân Thanh Hoá	0	1	5.50	8.50	1.5	**15.50**
15	LT12-215	Nguyễn Văn Độ	18/02/1986	Nam	Tày	Định Hoá -Thái Nguyên	1	1	5.00	8.50	3.5	**17.00**
16	LT12-216	Nguyễn Văn Đoàn	14/11/1991	Nam	Kinh	Bảo Thắng - Lào Cai	0	1	5.00	6.00	1.5	**12.50**
17	LT12-217	Tạ Văn Đoàn	26/11/1982	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	5.00	6.00	0.5	**11.50**
18	LT12-218	Bùi Minh Đức	19/06/1983	Nam	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	5.00	7.00	1.5	**13.50**
19	LT12-220	Quách Minh Đức	04/12/1991	Nam	Kinh	Cẩm Phả - Quảng Ninh	0	2	5.50	7.50	0.5	**13.50**
20	LT12-221	Nguyễn Hữu Dương	19/05/1991	Nam	Kinh	Tiên Du - Bắc Ninh	0	KV2-NT	5.50	7.50	1	**14.00**
21	LT12-222	Nông Văn Dưỡng	03/01/1991	Nam	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	1	1	5.00	6.00	3.5	**14.50**
22	LT12-223	Nguyễn Xuân Giang	19/12/1991	Nam	Kinh	Quỳnh Phụ - Thái Bình	0	KV2-NT	5.00	8.00	1	**14.00**
23	LT12-224	Trần Giáp	17/05/1991	Nam	Kinh	Quỳnh Lưu - Nghệ An	0	KV2-NT	6.00	6.50	1	**13.50**
24	LT12-225	Đặng Ngọc Hải	16/03/1990	Nam	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	0	KV2-NT	6.50	8.00	1	**15.50**
25	LT12-227	Phạm Thị Hạnh	24/06/1991	Nữ	Kinh	Nga Sơn Thanh Hoá	0	1	7.00	8.50	1.5	**17.00**
26	LT12-228	Dương Việt Hảo	10/12/1990	Nam	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	7.00	8.00	1.5	**16.50**
27	LT12-229	Trần Văn Hào	24/07/1991	Nam	Kinh	Sông Công-Thái Nguyên	0	2	6.50	8.50	0.5	**15.50**
28	LT12-230	Đỗ Thế Hiệp	18/12/1991	Nam	Kinh	Bảo Thắng- Lào Cai	0	1	5.00	7.00	1.5	**13.50**

29	LT12-231	Trần Chung Hiếu	19/04/1983	Nam	Tày	Võ Nhai - Thái Nguyên	1	1	6.50	7.00	3.5	**17.00**
30	LT12-232	Trịnh Xuân Hồ	26/10/1991	Nam	Kinh	Võ Nhai - Thái Nguyên	0	1	5.00	8.00	1.5	**14.50**
31	LT12-234	Nguyễn Đình Huấn	12/09/1989	Nam	Kinh	Ý Yên Nam Định	0	KV2-NT	8.00	8.00	1	**17.00**
32	LT12-235	Lê Văn Hưng	10/04/1991	Nam	Kinh	Võ Nhai - Thái Nguyên	0	1	5.50	7.50	1.5	**14.50**
33	LT12-236	Nguyễn Văn Hưng	20/06/1991	Nam	Kinh	Xuân Khang Thanh Hoá	0	1	8.00	7.50	1.5	**17.00**
34	LT12-237	Nguyễn Văn Hưng	18/01/1990	Nam	Kinh	Hưng Hà - Thái Bình	0	KV2-NT	6.50	7.50	1	**15.00**
35	LT12-238	Trần Mạnh Hưng	21/11/1991	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	1	8.00	7.00	1.5	**16.50**
36	LT12-240	Nguyễn Văn Hướng	24/05/1991	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	5.50	7.50	1	**14.00**
37	LT12-241	Tô Văn Hưởng	09/04/1990	Nam	Kinh	Thanh Liêm-Hà Nam	0	KV2-NT	7.00	7.50	1	**15.50**
38	LT12-242	Bùi Quốc Huy	01/10/1990	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	1	5.00	7.00	1.5	**13.50**
39	LT12-243	Nguyễn Quang Huy	28/11/1990	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	8.00	6.50	1	**15.50**
40	LT12-244	Trần Quang Huy	07/11/1990	Nam	Kinh	Cao Ngạn -Thái Nguyên	0	1	9.00	8.00	1.5	**18.50**
41	LT12-245	Hoàng Văn Khai	03/06/1991	Nam	Kinh	Phổ Yên - Thái Nguyên	0	KV2-NT	7.50	7.00	1	**15.50**
42	LT12-246	Nguyễn Quốc Kiên	24/11/1990	Nam	Kinh	Nho Quan- Ninh Bình	0	1	7.00	6.50	1.5	**15.00**
43	LT12-247	Nguyễn Trung Kiên	27/08/1991	Nam	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	7.50	6.00	1.5	**15.00**
44	LT12-248	Đỗ Cảnh Lâm	27/11/1977	Nam	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	6.00	7.00	1.5	**14.50**
45	LT12-249	Hà Đình Lâm	12/10/1991	Nam	Kinh	Văn Chấn Yên Bái	0	1	7.00	6.00	1.5	**14.50**
46	LT12-250	Phạm Quang Lê	10/02/1991	Nam	Tày	Văn Chấn Yên Bái	1	1	7.00	5.50	3.5	**16.00**
47	LT12-251	Đoàn Đức Linh	07/12/1991	Nam	Sán Dìu	Phú Lương-Thái Nguyên	1	1	8.50	5.00	3.5	**17.00**
48	LT12-252	Cao Văn Long	22/12/1991	Nam	Kinh	Sầm Sơn Thanh Hoá	0	1	7.00	8.50	1.5	**17.00**
49	LT12-253	Dương Xuân Long	17/08/1984	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	7.50	7.50	0.5	**15.50**
50	LT12-254	Phan Đình Đại Long	03/08/1990	Nam	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	0	KV2-NT	6.50	6.00	1	**13.50**
51	LT12-255	Lê Đình Luân	07/06/1991	Nam	Kinh	Tĩnh Gia -Thanh Hoá	0	KV2-NT	7.50	5.00	1	**13.50**
52	LT12-256	Nguyễn Tiến Mạnh	17/11/1982	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	7.00	5.50	0.5	**13.00**
53	LT12-257	Đào Hoài Nam	19/04/1989	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	5.00	6.00	0.5	**11.50**
54	LT12-258	Đỗ Thành Nam	15/01/1989	Nam	Kinh	Yên Ninh - Yên Bái	0	1	7.50	7.50	1.5	**16.50**
55	LT12-259	Lê Thành Năm	21/05/1975	Nam	Sán Dìu	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	1	1	6.00	5.00	3.5	**14.50**
56	LT12-260	Nguyễn Phương Nam	25/10/1991	Nam	Nùng	Đại Từ-Thái Nguyên	1	1	7.00	5.00	3.5	**15.50**
57	LT12-261	Lê Văn Nhẫn	19/11/1991	Nam	Kinh	Võ Nhai - Thái Nguyên	0	1	8.00	8.00	1.5	**17.50**
58	LT12-262	Trịnh Duy Nhất	25/07/1991	Nam	Kinh	Duy Tiêu Hà Nam	0	KV2-NT	7.50	7.50	1	**16.00**
59	LT12-263	Ngô Hồng Oánh	19/10/1991	Nữ	Kinh	Hiệp Hòa-Bắc Giang	0	KV2-NT	7.50	7.50	1	**16.00**
60	LT12-264	Trương Văn Phóng	25/09/1991	Nam	Tày	P Minh Khai Bắc Kạn	1	1	8.50	8.00	3.5	**20.00**
61	LT12-265	Trần Trung Quân	23/03/1990	Nam	Kinh	Ý Yên Nam Định	0	KV2-NT	8.00	7.00	1	**16.00**

62	LT12-266	Nguyễn Ngọc Quang	19/08/1991	Nam	Kinh	Gia Viễn Ninh Bình	0	KV2-NT	8.00	7.50	1	**16.50**
63	LT12-267	Trương Xuân Quảng	02/04/1990	Nam	Kinh	Hoằng Hoá Thanh Hoá	0	KV2-NT	6.50	7.00	1	**14.50**
64	LT12-268	Nguyễn Xuân Quyến	25/07/1991	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	1	7.50	7.00	1.5	**16.00**
65	LT12-269	Triệu Văn Quyền	09/09/1991	Nam	Kinh	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	0	1	7.00	5.50	1.5	**14.00**
66	LT12-270	Nguyễn Văn Quyết	25/11/1991	Nam	Kinh	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	0	1	7.00	7.50	1.5	**16.00**
67	LT12-271	Nguyễn Trường Sinh	23/02/1990	Nam	Kinh	Phổ Yên - Thái Nguyên	0	1	5.50	5.50	1.5	**12.50**
68	LT12-272	Nguyễn Văn Sinh	10/10/1991	Nam	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	0	1	7.00	8.50	1.5	**17.00**
69	LT12-273	Nguyễn Hoài Sơn	14/12/1990	Nam	Kinh	Tân Yên Bắc Giang	0	1	9.00	6.50	1.5	**17.00**
70	LT12-274	Nguyễn Hồng Sơn	02/04/1989	Nam	Kinh	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	9.00	6.00	1.5	**16.50**
71	LT12-275	Nguyễn Minh Sơn	18/06/1990	Nam	Cao Lan	Đại Từ - Thái Nguyên	1	1	8.00	6.00	3.5	**17.50**
72	LT12-276	Triệu Hoài Sơn	18/05/1988	Nam	Nùng	Võ Nhai - Thái Nguyên	1	1	7.00	6.00	3.5	**16.50**
73	LT12-277	Nguyễn Văn Tấn	25/07/1991	Nam	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	0	KV2-NT	7.00	6.50	1	**14.50**
74	LT12-278	Thôi Văn Tân	30/02/1991	Nam	Hoa	Lục Ngạn Bắc Giang	1	1	7.00	7.00	3.5	**17.50**
75	LT12-279	Dương Đức Thắng	21/12/1991	Nam	Kinh	Tân Yên Bắc Giang	0	KV2-NT	9.00	8.00	1	**18.00**
76	LT12-280	Lê Quang Thắng	20/12/1989	Nam	Kinh	Võ Nhai - Thái Nguyên	0	1	8.00	6.50	1.5	**16.00**
77	LT12-281	Trần Xuân Thắng	05/04/1991	Nam	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	0	KV2-NT	9.00	6.00	1	**16.00**
78	LT12-282	Trịnh Văn Thắng	01/03/1989	Nam	Tày	Đại Từ - Thái Nguyên	1	1	7.50	7.00	3.5	**18.00**
79	LT12-283	Nguyễn Văn Thịnh	10/01/1991	Nam	Kinh	Lục Ngạn Bắc Giang	0	1	6.50	8.00	1.5	**16.00**
80	LT12-284	Trần Anh Thọ	29/11/1986	Nam	Kinh	Đại từ-Thái Nguyên	0	KV2-NT	7.00	5.50	1	**13.50**
81	LT12-285	Trần Văn Thương	12/02/1990	Nam	Cao Lan	Đại Từ - Thái Nguyên	1	1	8.00	5.00	3.5	**16.50**
82	LT12-286	Lưu Thanh Thuỳ	27/07/1989	Nam	Nùng	Đồng Hỷ -Thái Nguyên	1	1	7.00	6.00	3.5	**16.50**
83	LT12-287	Bùi Tá Thuyên	12/06/1991	Nam	Kinh	Kim Thành- Hải Dương	0	KV2-NT	6.50	7.00	1	**14.50**
84	LT12-288	Dương Văn Tiệp	04/06/1991	Nam	Kinh	Tân Yên-Bắc Giang	0	KV2-NT	6.50	8.00	1	**15.50**
85	LT12-290	Phạm Hữu Triển	30/11/1991	Nam	Kinh	Quỳnh Phụ-Thái Bình	0	KV2-NT	7.00	7.00	1	**15.00**
86	LT12-291	Hà Kim Trọng	07/06/1991	Nam	Nùng	Bạch Thông-Bắc Kan	0	1	7.00	6.50	1.5	**15.00**
87	LT12-293	Mai Văn Trung	23/10/1991	Nam	Kinh	Nga Sơn Thanh Hoá	0	1	7.50	7.00	1.5	**16.00**
88	LT12-294	Nguyễn Thành Trung	02/03/1991	Nam	Kinh	Lương Tài Bắc Ninh	0	KV2-NT	7.00	8.00	1	**16.00**
89	LT12-295	Nguyễn Văn Trung	25/07/1990	Nam	Kinh	Tân Yên Bắc Giang	0	2	8.00	8.00	0.5	**16.50**
90	LT12-296	Trần Quang Trung	01/01/1991	Nam	Kinh	Sông Lô Vĩnh Phúc	0	KV2-NT	7.00	7.00	1	**15.00**
91	LT12-297	Lê Văn Trường	07/12/1991	Nam	Kinh	Thiệu Hóa-Thanh Hóa	0	KV2-NT	6.50	8.00	1	**15.50**
92	LT12-298	Trịnh Văn Trường	09/12/1991	Nam	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	7.00	8.50	1.5	**17.00**
93	LT12-299	Vũ Văn Trường	19/05/1988	Nam	Kinh	Sơn Dương-Tuyên Quang	0	1	8.00	6.50	1.5	**16.00**
94	LT12-300	Hà Minh Tú	17/11/1990	Nam	Kinh	Định Hóa-Thái Nguyên	0	1	6.00	7.00	1.5	**14.50**

95	LT12-301	Phạm Tuấn Tú	06/12/1983	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	6.50	6.00	0.5	**13.00**
96	LT12-302	Hoàng Văn Tuấn	08/05/1990	Nam	Nùng	Lộc Bình Lạng Sơn	1	1	7.00	6.00	3.5	**16.50**
97	LT12-303	Hứa Ngọc Tuấn	01/08/1983	Nam	Sán Chí	Đại Từ - Thái Nguyên	1	1	6.50	5.50	3.5	**15.50**
98	LT12-304	Ma Văn Tuân	05/02/1985	Nam	Tày	Yên Sơn Tuyên Quang	1	1	6.50	5.50	3.5	**15.50**
99	LT12-305	Nguyễn Văn Tuấn	30/01/1990	Nam	Kinh	Ninh Giang Hải Dương	0	KV2-NT	6.50	7.50	1	**15.00**
100	LT12-306	Thân Văn Tuân	20/01/1991	Nam	Kinh	Phú Bình - Thái Nguyên	0	KV2-NT	9.00	7.00	1	**17.00**
101	LT12-307	Trần Văn Tuấn	24/06/1991	Nam	Kinh	Bảo Thắng - Lào Cai	0	1	8.00	7.00	1.5	**16.50**
102	LT12-308	Trần Xuân Tuân	08/06/1989	Nam	Kinh	Bảo Thắng - Lào Cai	0	1	7.00	8.00	1.5	**16.50**
103	LT12-309	Vũ Văn Tuấn	26/11/1990	Nam	Kinh	Lạng Giang Bắc Giang	0	KV2-NT	7.00	8.00	1	**16.00**
104	LT12-310	Nguyễn Ngọc Tuệ	08/07/1987	Nam	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	7.00	8.00	1.5	**16.50**
105	LT12-311	Nguyễn Văn Tuệ	13/02/1989	Nam	Kinh	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	0	1	7.00	7.00	1.5	**15.50**
106	LT12-312	Nguyễn Khánh Tùng	02/10/1989	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	7.50	7.00	0.5	**15.00**
107	LT12-313	Nguyễn Thanh Tùng	03/12/1990	Nam	Kinh	Lạc Thuỷ- Hoà Bình	0	1	6.00	7.00	1.5	**14.50**
108	LT12-315	Chu Văn Tuyên	01/05/1990	Nam	Tày	Tràng Định Lạng Sơn	1	1	7.50	6.00	3.5	**17.00**
109	LT12-316	Đàm Huy Tuyên	05/12/1991	Nam	Nùng	Đại Từ - Thái Nguyên	1	1	6.00	6.00	3.5	**15.50**
110	LT12-317	Đỗ Trung Tuyến	11/03/1990	Nam	Kinh	TX Bắc Kạn - Bắc Kạn	0	1	8.00	6.50	1.5	**16.00**
111	LT12-318	Đỗ Văn Tuyên	05/07/1990	Nam	Kinh	Ngọc Lạc Thanh Hoá	0	1	6.50	7.00	1.5	**15.00**
112	LT12-319	Hoàng Kim Tuyến	23/08/1990	Nam	Tày	Bắc Quang- Hà Giang	1	1	7.50	6.00	3.5	**17.00**
113	LT12-320	Nguyễn Văn Tuyên	02/05/1991	Nam	Kinh	Yên Dũng Bắc Giang	0	KV2-NT	8.00	7.00	1	**16.00**
114	LT12-321	Phạm Văn Tuyền	09/12/1990	Nam	Kinh	Việt Yên Bắc Giang	0	KV2-NT	6.50	7.00	1	**14.50**
115	LT12-322	Nguyễn Tuấn Anh Việt	11/12/1988	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	1	7.00	8.00	1.5	**16.50**
116	LT12-323	Phan Thành Việt	18/12/1990	Nam	Kinh	Quế Võ Bắc Ninh	0	1	8.00	8.00	1.5	**17.50**
117	LT12-324	Vũ Xuân Việt	16/11/1991	Nam	Kinh	TP Uông Bí Quảng Ninh	0	2	7.00	9.00	0.5	**16.50**
118	LT12-325	Đỗ Trọng Vĩnh	30/01/1980	Nam	Kinh	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	0	1	9.00	8.00	1.5	**18.50**
119	LT12-326	Nguyễn Văn Vịnh	20/11/1991	Nam	Kinh	Quế Võ Bắc Ninh	0	KV2-NT	6.50	7.00	1	**14.50**
120	LT12-327	Đoàn Văn Vũ	23/07/1989	Nam	Kinh	Chiêm Hoá Tuyên Quang	0	1	8.00	8.00	1.5	**17.50**
121	LT12-328	Nguyễn Danh Vũ	08/11/1991	Nam	Kinh	Vĩnh Tường Vĩnh Phúc	0	KV2-NT	6.50	6.00	1	**13.50**
122	LT12-329	Trần Văn Xuân	19/04/1991	Nam	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	0	KV2-NT	7.50	7.00	1	**15.50**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012

Đợt 2 - Ngày thi 22, 23 tháng 9 năm 2012

Ngành Kinh tế Công nghiệp - Chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp Công nghiệp - ĐH Chính quy

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
1	LT12-429	Nguyễn Thị Ân	15/08/91	Nữ	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	8.25	9.50	1.5	**19.50**
2	LT12-430	Nguyễn Thị Ngọc An	04/10/91	Nữ	Kinh	Tân Yên-Bắc Giang	0	KV2-NT	8.50	9.00	1	**18.50**
3	LT12-431	Bùi Thị Lan Anh	18/07/89	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.25	5.75	1.5	**15.50**
4	LT12-432	Bùi Văn Anh	02/02/91	Nam	Mường	Thạch Thành-Thanh Hoá	1	1	5.00	7.00	3.5	**15.50**
5	LT12-433	Cao Thị Ngọc Anh	05/01/92	Nữ	Kinh	Cam Giá-Thái Nguyên	0	2	8.50	8.00	0.5	**17.00**
6	LT12-437	Trần Thị Lan Anh	07/10/90	Nữ	Kinh	Quan Triều-Thái Nguyên	0	2	7.50	8.25	0.5	**16.50**
7	LT12-438	Nguyễn Ngọc Bình	15/06/91	Nam	Kinh	Định Hóa-Thái Nguyên	0	1	8.25	8.25	1.5	**18.00**
8	LT12-439	Hà Thị Chang	13/09/90	Nữ	Tày	Chiêm Hóa-Tuyên Quang	1	1	8.25	7.75	3.5	**19.50**
9	LT12-440	Nguyễn Thị Chinh	07/04/91	Nữ	Kinh	Túc Duyên-Thái Nguyên	0	2	6.50	5.50	0.5	**12.50**
10	LT12-441	Lương Anh Chung	27/12/90	Nữ	Kinh	Tân Long-Thái Nguyên	0	2	6.00	5.25	0.5	**12.00**
11	LT12-442	Đỗ Thị Kim Cúc	23/4/90	Nữ	Kinh	Yên Thế-Bắc Giang	0	1	8.25	9.25	1.5	**19.00**
12	LT12-443	Vũ Thị Cúc	13/12/91	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.75	9.75	1.5	**20.00**
13	LT12-444	Đặng Thị Anh Đào	28/06/90	Nữ	Tày	Yên Sơn -Tuyên Quang	1	1	8.25	8.75	3.5	**20.50**
14	LT12-445	Lê Văn Đức	28/08/85	Nam	Mường	Cẩm Thủy-Thanh Hóa	1	1	8.00	8.50	3.5	**20.00**
15	LT12-446	Đào Thị Vân Dung	24/08/86	Nữ	Kinh	Phan Đình Phùng-TPTN	0	2	7.50	8.75	0.5	**17.00**
16	LT12-447	Nguyễn Hồng Giang	17/08/91	Nữ	Kinh	Minh Tân-Yên Bái	0	1	8.75	8.75	1.5	**19.00**
17	LT12-448	Phạm Thị Hương Giang	19/07/91	Nữ	Kinh	Tân Long-TP Thái Nguyên	0	2	8.50	8.50	0.5	**17.50**
18	LT12-449	Trần Việt Giang	06/06/90	Nam	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	8.00	7.25	1.5	**17.00**
19	LT12-450	Nguyễn Thị Hà	15/11/91	Nữ	Kinh	Lục Yên-Yên Bái	0	1	8.00	8.50	1.5	**18.00**
20	LT12-452	Đỗ Hoàng Hải	16/01/88	Nam	Tày	Ngân Sơn-Bắc Kạn	1	1	7.50	8.50	3.5	**19.50**
21	LT12-453	Hoàng Thị Hằng	23/12/91	Nữ	Tày	Định Hóa-Thái Nguyên	1	1	7.75	6.00	3.5	**17.50**
22	LT12-454	Mã Thị Thu Hằng	11/01/91	Nữ	Tày	Phú Lương-Thái Nguyên	1	1	7.75	8.00	3.5	**19.50**
23	LT12-455	Nguyễn Thị Hằng	11/03/91	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.00	8.00	1.5	**17.50**
24	LT12-456	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/10/91	Nữ	Kinh	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	0	KV2-NT	7.25	7.50	1	**16.00**
25	LT12-457	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/01/81	Nữ	Kinh	Quán Triều -Thái Nguyên	0	1	7.00	7.00	1.5	**15.50**
26	LT12-458	Trần Thị Thu Hằng	22/11/90	Nữ	Kinh	Lạng Giang-Bắc Giang	0	1	7.75	5.50	1.5	**15.00**
27	LT12-459	Bùi Thị Hạnh	02/07/87	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	7.25	5.75	1.5	**14.50**

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
28	LT12-460	Vũ Thị Hồng Hạnh	25/09/90	Nữ	Kinh	Quang Trung -TPTN	0	2	8.00	5.75	0.5	**14.50**
29	LT12-461	Hoàng Thu Hiền	07/06/91	Nữ	Tày	Minh Xuân-Tuyên Quang	1	1	8.00	6.25	3.5	**18.00**
30	LT12-462	La Thanh Hiền	01/08/90	Nam	Tày	Sông Bằng-Cao Bằng	1	1	6.50	5.25	3.5	**15.50**
31	LT12-463	Phạm Thị Hiền	06/06/88	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.50	8.00	1.5	**18.00**
32	LT12-464	Nguyễn Thị Việt Hòa	27/08/90	Nữ	Tày	Võ Nhai-Thái Nguyên	1	1	8.25	8.50	3.5	**20.25**
33	LT12-466	Nguyễn Thị Thu Hoài	15/02/87	Nữ	Tày	Võ Nhai-Thái Nguyên	1	1	8.00	8.50	3.5	**20.00**
34	LT12-467	Thi Anh Hoàng	17/07/90	Nam	Nùng	Phú Lương-Thái Nguyên	1	1	7.75	8.00	3.5	**19.50**
35	LT12-468	Lê Thị Hồng	11/02/91	Nữ	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	8.50	6.00	1.5	**16.00**
36	LT12-469	Phạm Thị Hồng	05/08/90	Nữ	Kinh	Thạch Thành-Thanh Hoá	0	KV2-NT	8.00	7.00	1	**16.00**
37	LT12-470	Trần Thị Hồng	10/02/91	Nữ	Kinh	Nghĩa Hưng-Nam Định	0	KV2-NT	8.00	5.25	1	**14.50**
38	LT12-471	Lưu Thị Huệ	10/02/89	Nữ	Kinh	Hàm Yên-Tuyên Quang	0	1	7.50	5.75	1.5	**15.00**
39	LT12-472	Tăng Thị Thanh Huệ	06/04/90	Nữ	Kinh	Tân Lập-TP Thái Nguyên	0	2	8.00	8.50	0.5	**17.00**
40	LT12-474	Bùi Thị Lan Hương	25/03/90	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.00	8.25	1.5	**18.00**
41	LT12-475	Đào Thị Hương	09/12/91	Nữ	Kinh	Nam Trực-Nam Định	0	KV2-NT	8.50	8.00	1	**17.50**
42	LT12-477	Phạm Thị Hường	12/06/91	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.25	8.00	1.5	**18.00**
43	LT12-479	Hoàng Thị Huyền	23/02/91	Nữ	Kinh	Sơn Động-Bắc Giang	0	2	8.25	8.50	0.5	**17.50**
44	LT12-480	Nguyễn Thị Thanh Huyền	24/07/90	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.25	8.50	1.5	**18.50**
45	LT12-482	Phạm Thị Kim	'05/03/90	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.25	9.00	1.5	**19.00**
46	LT12-483	Phạm Tùng Lâm	10/12/90	Nam	Sán dìu	Phú Xá-Thái Nguyên	1	2	8.50	6.75	2.5	**18.00**
47	LT12-484	Chu Thị Hoa Lan	14/02/89	Nữ	Nùng	Võ Nhai-Thái Nguyên	1	1	8.00	7.50	3.5	**19.00**
48	LT12-485	Nguyễn Thị Lan	16/08/87	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.00	8.00	1.5	**17.50**
49	LT12-486	Nguyễn Thị Lan	12/02/91	Nữ	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	7.50	8.75	1.5	**18.00**
50	LT12-487	Phan Thị Ngọc Lan	12/10/89	Nữ	Kinh	Bắc Sơn-Lạng Sơn	0	1	6.00	6.50	1.5	**14.00**
51	LT12-488	Trần Thị Lan	13/01/90	Nữ	Sán chí	Phú Lương-Thái Nguyên	1	1	7.50	8.00	3.5	**19.00**
52	LT12-489	Nguyễn Thị Lành	10/12/90	Nữ	Kinh	Ý Yên-Nam Định	0	KV2-NT	8.00	8.50	1	**17.50**
53	LT12-490	Đào Thị Hạnh Liên	22/06/91	Nữ	Kinh	Quan Triều-Thái Nguyên	0	2	6.50	6.50	0.5	**13.50**
54	LT12-491	Nguyễn Thị Liên	25/12/90	Nữ	Kinh	Thịnh Đán-TPTN	0	2	5.50	7.00	0.5	**13.00**
55	LT12-492	Nguyễn Thị Liên	01/11/91	Nữ	KInh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	8.25	7.00	1.5	**17.00**
56	LT12-494	Trần Thị Liễu	20/08/91	Nữ	Sán dìu	Cao Ngạn-Thái Nguyên	1	1	6.00	7.00	3.5	**16.50**
57	LT12-495	Hoàng Thị Mỹ Linh	10/09/90	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.50	7.50	1.5	**17.50**
58	LT12-496	Hoàng Thùy Linh	29/04/90	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	6.75	7.25	1.5	**15.50**

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
59	LT12-498	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12/11/91	Nữ	Kinh	Quan Triều-Thái Nguyên	0	2	8.00	8.50	0.5	**17.00**
60	LT12-499	Phan Thị Linh	30/10/90	Nữ	Kinh	Bắc Sơn-Lạng Sơn	0	1	7.50	8.00	1.5	**17.00**
61	LT12-500	Trần Thùy Linh	15/11/90	Nữ	Kinh	Quan Triều-Thái Nguyên	0	2	8.50	9.00	0.5	**18.00**
62	LT12-501	Vũ Thùy Linh	20/09/90	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	7.25	7.50	1.5	**16.50**
63	LT12-502	Nguyễn Thị Loan	14/8/90	Nữ	Kinh	Xuân Trường-Nam Định	0	KV2-NT	6.00	6.75	1	**14.00**
64	LT12-503	Nguyễn Thị Ngọc Loan	30/04/90	Nữ	Tày	Hà Quảng-Cao Bằng	1	1	8.00	7.25	3.5	**19.00**
65	LT12-504	Diệp Thị Luận	18/04/91	Nữ	Sán dìu	Phú Lương-Thái Nguyên	1	1	8.50	7.50	3.5	**19.50**
66	LT12-506	Chu Thị Ly	14/12/87	Nữ	Sán dìu	Phú Lương-Thái Nguyên	1	1	8.00	8.00	3.5	**19.50**
67	LT12-507	Chu Thị Mai Ly	18/11/91	Nữ	Kinh	Trấn Yên-Yên Bái	0	1	7.50	7.25	1.5	**16.50**
68	LT12-508	Lường Thị Lý	06/01/90	Nữ	Cao lan	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	1	1	7.25	6.75	3.5	**17.50**
69	LT12-509	Trần Hoàng Ly	14/12/89	Nữ	Kinh	Tân Long-Thái Nguyên	0	2	8.75	9.00	0.5	**18.50**
70	LT12-510	Nguyễn Hiền Mai	29/09/90	Nữ	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	8.50	8.75	1.5	**19.00**
71	LT12-511	Nguyễn Thị Mai	28/05/89	Nữ	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	9.00	6.50	1.5	**17.00**
72	LT12-512	Trần Thị Mơ	01/11/86	Nữ	Kinh	Võ Nhai-Thái Nguyên	0	1	7.00	5.50	1.5	**14.00**
73	LT12-513	Dương Thị Mùi	18/06/91	Nữ	Kinh	Sóc Sơn-Hà Nội	0	2	6.50	6.75	0.5	**14.00**
74	LT12-514	Đỗ Diễm My	30/08/91	Nữ	Kinh	Cẩm Thủy-Thanh Hóa	0	1	9.00	7.25	1.5	**18.00**
75	LT12-516	Phạm Hồng Nga	29/09/90	Nữ	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	7.00	8.25	1.5	**17.00**
76	LT12-517	Phạm Thị Nga	02/12/91	Nữ	Kinh	Hải Hậu-Nam Định	0	KV2-NT	8.25	8.50	1	**18.00**
77	LT12-518	Tạ Thị Nga	20/02/91	Nữ	Kinh	Thái Thụy-Thái Bình	0	KV2-NT	7.75	7.75	1	**16.50**
78	LT12-519	Đỗ Thanh Ngân	13/08/91	Nữ	Kinh	Tân Long-TP Thái Nguyên	0	2	8.00	6.75	0.5	**15.50**
79	LT12-520	Hoàng Thị Ngân	04/09/91	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.00	8.00	1.5	**17.50**
80	LT12-521	Ngô Thị Thùy Ngân	19/02/91	Nữ	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	7.00	7.75	1.5	**16.50**
81	LT12-522	Nguyễn Thị Kim Ngân	28/7/90	Nữ	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	7.00	7.50	1.5	**16.00**
82	LT12-523	Thạch Thanh Ngọc	22/08/89	Nữ	Cao Lan	Võ Nhai-Thái Nguyên	1	1	6.00	4.25	3.5	**14.00**
83	LT12-524	Trần Bích Ngọc	26/08/90	Nữ	Kinh	Tân Long-Thái Nguyên	0	2	7.50	5.50	0.5	**13.50**
84	LT12-525	Mai Thị Nguyên	02/12/91	Nữ	Kinh	Quế Võ-Bắc Ninh	0	KV2-NT	8.25	7.50	1	**17.00**
85	LT12-526	Hứa Thị Nhài	10/09/88	Nữ	Nùng	Đại Từ-Thái Nguyên	1	1	7.00	5.50	3.5	**16.00**
86	LT12-527	Nguyễn Thị Nhẫn	20/08/91	Nữ	Kinh	Phú Bình-Thái Nguyên	0	1	8.00	6.00	1.5	**15.50**
87	LT12-528	Dương Thị Hồng Nhung	09/10/91	Nữ	Cao Lan	TP Thái Nguyên	1	2	6.00	6.00	2.5	**14.50**
88	LT12-529	Lê Thị Hải Nhung	06/12/90	Nữ	Kinh	Tân Long-Thái Nguyên	0	2	6.50	6.50	0.5	**13.50**
89	LT12-531	Nguyễn Thị Nhung	19/07/91	Nữ	Tày	Phú Lương-Thái Nguyên	1	1	8.00	7.25	3.5	**19.00**

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
90	LT12-532	Trần Thị Tuyết Nhung	22/03/90	Nữ	Kinh	Sông Công-Thái Nguyên	0	1	7.75	6.50	1.5	**16.00**
91	LT12-533	Triệu Thị Nhung	30/05/90	Nữ	Tày	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	1	1	7.75	6.75	3.5	**18.00**
92	LT12-534	Nguyễn Thị Nụ	09/08/90	Nữ	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	8.00	7.50	1.5	**17.00**
93	LT12-535	Đỗ Ngọc Oanh	02/06/90	Nữ	Kinh	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	KV2-NT	8.00	7.50	1	**16.50**
94	LT12-536	Lê Thị Kim Oanh	02/07/91	Nữ	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	8.50	8.25	1.5	**18.50**
95	LT12-537	Nguyễn Ngọc Oanh	21/03/91	Nữ	Kinh	Tân Yên-Bắc Giang	0	1	7.75	7.50	1.5	**17.00**
96	LT12-538	Phùng Thị Oanh	15/10/84	Nữ	Kinh	TP Thái Nguyên	0	1	7.75	7.50	1.5	**17.00**
97	LT12-539	Dương Thị Thúy Phương	16/05/91	Nữ	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	7.25	7.75	1.5	**16.50**
98	LT12-540	Nguyễn Thị Phương	08/06/90	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	6.75	7.50	1.5	**16.00**
99	LT12-541	Nguyễn Thị Minh Phương	25/02/91	Nữ	Kinh	Bát Xát-Lào Cai	0	1	8.00	7.50	1.5	**17.00**
100	LT12-542	Trần Thị Phương	19/12/91	Nữ	Kinh	Bắc Quang-Hà Giang	0	1	7.50	7.50	1.5	**16.50**
101	LT12-543	Trần Thị Hạnh Phương	09/04/91	Nữ	Kinh	Quang Trung -TPTN	0	2	6.25	7.75	0.5	**14.50**
102	LT12-544	Vũ Hoàng Phương	22/05/91	Nữ	Kinh	Ninh Giang-Hải Dương	0	2	8.00	7.75	0.5	**16.50**
103	LT12-545	Trần Văn Quảng	23/06/90	Nam	Kinh	Tiên Lữ-Hưng Yên	0	1	7.00	7.25	1.5	**16.00**
104	LT12-546	Nguyễn Thị Quế	19/10/90	Nữ	Kinh	Nguyễn Trãi-Hưng Yên	0	KV2-NT	7.75	7.50	1	**16.50**
105	LT12-547	Lê Thị Quyên	24/05/91	Nữ	Kinh	Yên Dũng-Bắc Giang	0	KV2-NT	7.00	7.50	1	**15.50**
106	LT12-548	Trần Thị Quyên	30/09/85	Nữ	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	7.50	7.75	0.5	**16.00**
107	LT12-549	Vũ Thị Ngọc Quyên	10/06/91	Nữ	Kinh	Phan Đình Phùng-TPTN	0	2	6.50	8.25	0.5	**15.50**
108	LT12-550	Phó Thị Trang Quỳnh	01/08/91	Nữ	Sán dìu	Phú Lương-Thái Nguyên	1	1	7.00	8.25	3.5	**19.00**
109	LT12-551	Triệu Thị Sim	05/07/89	Nữ	Tày	Bạch Thông-Bắc Kan	1	1	7.50	8.50	3.5	**19.50**
110	LT12-552	Nguyễn Văn Tam	28/06/90	Nam	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	8.50	9.00	1.5	**19.00**
111	LT12-553	Trương Thị Ngọc Thái	01/05/89	Nữ	Sán dìu	Đại Từ-Thái Nguyên	1	1	7.50	7.50	3.5	**18.50**
112	LT12-554	Chu Thị Hồng Thắm	30/09/81	Nữ	Tày	Song Giang-Lạng Sơn	1	1	7.50	6.75	3.5	**18.00**
113	LT12-555	Trần Đức Thành	21/05/90	Nam	Kinh	Quan Triều-Thái Nguyên	0	2	6.75	6.75	0.5	**14.00**
114	LT12-556	Vũ Thị Thảo	27/04/91	Nữ	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	7.75	6.75	1.5	**16.00**
115	LT12-557	Nguyễn Văn Thế	30/02/90	Nam	Kinh	Sơn Dương Tuyên Quang	0	1	7.50	8.25	1.5	**17.50**
116	LT12-558	Nguyễn Ngọc Thiện	12/07/88	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	7.25	6.50	0.5	**14.50**
117	LT12-559	Hà Thị Hương Thơm	25/11/91	Nữ	Tày	Chợ Mới-Bắc Kan	1	1	6.75	7.00	3.5	**17.50**
118	LT12-560	Lê Thị Thơm	23/10/90	Nữ	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	7.00	7.00	1.5	**15.50**
119	LT12-561	Đinh Thị Thu	14/03/90	Nữ	Kinh	Ninh Nhất-Ninh Bình	0	1	5.75	6.75	1.5	**14.00**
120	LT12-562	Phạm Thị Minh Thu	22/10/89	Nữ	Kinh	Tân Long-Thái Nguyên	0	2	6.75	7.00	0.5	**14.50**

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
121	LT12-563	Trương Thị Thu	30/01/91	Nữ	Kinh	Bắc Kan	0	1	7.00	6.75	1.5	**15.50**
122	LT12-564	Vũ Đình Thuận	12/12/90	Nữ	Kinh	Minh Xuân-Tuyên Quang	0	1	6.00	6.75	1.5	**14.50**
123	LT12-565	Bùi Thị Thủy	17/02/92	Nữ	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	8.00	9.00	1.5	**18.50**
124	LT12-566	Đỗ Thị Thúy	27/08/80	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	0	2	8.25	8.00	0.5	**17.00**
125	LT12-567	Lê Hoàng Thu Thủy	23/10/91	Nữ	Tày	Đại Từ-Thái Nguyên	1	1	8.50	6.00	3.5	**18.00**
126	LT12-569	Phạm Thị Thùy	09/09/90	Nữ	Kinh	Võ Nhai-Thái Nguyên	0	1	8.50	6.25	1.5	**16.50**
127	LT12-570	Phùng Thị Thúy	18/01/91	Nữ	Nùng	Lộc bình-Lạng Sơn	1	1	6.25	7.25	3.5	**17.00**
128	LT12-571	Trần Thị Thanh Thúy	25/11/89	Nữ	Kinh	Sóc Sơn-Hà Nội	0	2	8.00	7.00	0.5	**15.50**
129	LT12-572	Trần Thị Tình	29/01/91	Nữ	Cao Lan	Định Hoá TP Thái Nguyên	1	1	7.50	9.00	3.5	**20.00**
130	LT12-574	Nguyễn Thị Trang	15/02/91	Nữ	Kinh	Tân Long-Thái Nguyên	0	2	8.00	8.50	0.5	**17.00**
131	LT12-576	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/11/91	Nữ	Kinh	Tân Long-Thái Nguyên	0	1	8.00	8.50	1.5	**18.00**
132	LT12-577	Nguyễn Ngọc Trọng	15/09/91	Nam	Kinh	Tân Hà-Tuyên Quang	0	1	8.00	8.00	1.5	**17.50**
133	LT12-579	Hoàng Sơn Tùng	10/04/90	Nam	Kinh	Lào Cai	0	1	7.25	8.75	1.5	**17.50**
134	LT12-580	Nguyễn Thanh Tùng	21/10/89	Nam	Kinh	Túc Duyên-Thái Nguyên	0	2	7.50	8.50	0.5	**16.50**
135	LT12-581	Thái Mạnh Tùng	14/03/90	Nam	Kinh	Tân Thành-TP Thái Nguyên	0	2	7.75	8.50	0.5	**17.00**
136	LT12-582	Dương Thị Tuyến	25/11/91	Nữ	Kinh	Ý Yên-Nam Định	0	KV2-NT	8.50	8.25	1	**18.00**
137	LT12-583	Đặng Thị Uyên	15/05/88	Nữ	Kinh	Tân Long TP Thái Nguyên	0	1	6.75	8.75	1.5	**17.00**
138	LT12-584	Đỗ Thi Uyên	10/06/91	Nữ	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	7.75	9.00	1.5	**18.50**
139	LT12-585	Hoàng Mai Vân	25/06/91	Nữ	Nùng	Phú Lương-Thái Nguyên	1	1	8.75	9.25	3.5	**21.50**
140	LT12-586	Ngô Thị Vân	13/08/91	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	9.50	9.50	1.5	**20.50**
141	LT12-587	Nguyễn Thị Hải Vân	19/06/91	Nữ	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	7.00	8.75	1.5	**17.50**
142	LT12-588	Nguyễn Đăng Việt	23/11/90	Nam	Kinh	Quan Triều-Thái Nguyên	0	2	7.25	9.00	0.5	**17.00**
143	LT12-589	Bùi Thị Vui	07/04/91	Nữ	Kinh	Nho Quan-Ninh Bình	0	1	6.75	8.75	1.5	**17.00**
144	LT12-590	Đặng Thi Vân Anh	04/11/90	Nữ	Kinh	Định Hóa-Thái Nguyên	0	1	6.25	7.50	1.5	**15.50**
145	LT12-591	Dương Thị Chinh	16/10/91	Nữ	Kinh	Văn Lâm-Hưng Yên	0	KV2-NT	8.75	7.25	1	**17.00**
146	LT12-592	Nguyễn Quốc Cường	27/11/90	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	8.00	9.00	0.5	**17.50**
147	LT12-593	Hoàng Thị Đào	13/08/91	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	1	1	7.50	8.25	3.5	**19.50**
148	LT12-594	Nguyễn Tuấn Đạt	20/11/91	Nam	Kinh	Xuân Trường-Nam Định	0	KV2-NT	7.25	8.50	1	**17.00**
149	LT12-595	Nguyễn Thúy Điệp	20/11/91	Nam	Kinh	Xương Giang-TP Bắc Giang	0	2	8.00	7.50	0.5	**16.00**
150	LT12-597	Trần Thị Ninh Giang	04/02/92	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	8.00	6.00	0.5	**14.50**
151	LT12-598	Vũ Thị Hiền	01/10/91	Nam	Kinh	Bắc Giang-Lạng Sơn	0	1	7.00	8.75	1.5	**17.50**

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
152	LT12-599	Phạm Thị Hoa	08/11/89	Nữ	Kinh	Đoan Hùng-Phú Thọ	0	1	7.00	5.00	1.5	**13.50**
153	LT12-600	Nguyễn T.Thu Hồng	08/09/90	Nữ	Kinh	Gia Sàng-TP Thái Nguyên	0	2	8.50	5.00	0.5	**14.00**
154	LT12-601	Lương Thị Huệ	20/12/91	Nữ	Kinh	Yên Dũng-Bắc Giang	0	KV2-NT	7.00	6.00	1	**14.00**
155	LT12-602	Đặng Thị Hường	06/06/91	Nữ	Kinh	Hiệp Hòa-Bắc Giang	0	KV2-NT	7.75	8.25	1	**17.00**
156	LT12-603	Nguyễn T.Thu Hường	18/01/90	Nữ	Kinh	Thanh Sơn-Phú Thọ	0	1	6.25	7.25	1.5	**15.00**
157	LT12-604	Nguyễn Thị Hường	20/08/89	Nữ	Tày	Võ Nhai-Thái Nguyên	1	1	6.75	4.75	3.5	**15.00**
158	LT12-605	Phạm Thị Huyền	26/03/91	Nữ	Kinh	Sơn Dương-Tuyên Quang	0	1	6.00	6.25	1.5	**14.00**
159	LT12-606	Lê T.Thu Huyền	11/08/91	Nữ	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	7.50	5.75	0.5	**14.00**
160	LT12-607	Trần Thị Thanh Huyền	26/02/89	Nữ	Kinh	Tân Thành-Thái Nguyên	0	2	8.00	6.00	0.5	**14.50**
161	LT12-608	Chu Thị Linh	27/09/90	Nữ	Nùng	Đại Từ-Thái Nguyên	1	1	6.50	6.25	3.5	**16.50**
162	LT12-609	Nguyễn Thị Loan	10/07/89	Nữ	Kinh	Trấn Yên-Yên Bái	0	1	7.00	7.00	1.5	**15.50**
163	LT12-610	Đào Thị Lý	19/07/91	Nữ	Kinh	Thanh Oai-Hà Nội	0	KV2-NT	8.50	8.75	1	**18.50**
164	LT12-612	Nguyễn Thị Mát	18/07/89	Nữ	Kinh	Lương Tài-Bắc Ninh	0	KV2-NT	6.00	6.25	1	**13.50**
165	LT12-613	Hoàng Thị Bích Ngọc	27/06/90	Nữ	Kinh	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	1	5.75	5.75	1.5	**13.00**
166	LT12-614	Vũ Thu Phương	04/08/91	Nữ	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	9.00	9.75	0.5	**19.50**
167	LT12-616	Lê Thị Quế	05/05/91	Nữ	Kinh	P.Phùng Chí Kiên-Bắc Kạn	0	1	7.75	9.00	1.5	**18.50**
168	LT12-618	Lê Thị Sinh	26/01/91	Nữ	Kinh	Bình Lục-Hà Nam	0	KV2-NT	6.75	6.50	1	**14.50**
169	LT12-619	Ngô Đức Tài	29/07/91	Nam	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	7.50	6.00	1.5	**15.00**
170	LT12-620	Nguyễn Thị Tâm	10/08/90	Nữ	Kinh	Mai sơn-Sơn La	0	1	7.25	4.75	1.5	**13.50**
171	LT12-621	Lê Thị Bích Thảo	06/02/89	Nữ	Kinh	TP Thái Nguyên	0	1	7.00	6.50	1.5	**15.00**
172	LT12-623	Nguyễn Thị Thu	24/06/90	Nữ	Kinh	Phú Bình-Thái Nguyên	0	1	7.25	5.50	1.5	**14.50**
173	LT12-625	Ngụy Thị Thường	09/07/89	Nữ	Kinh	Hiệp Hòa-Bắc Giang	0	1	7.00	5.75	1.5	**14.50**
174	LT12-626	Nguyễn T.Huyền Trang	05/06/88	Nữ	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	7.50	5.50	0.5	**13.50**
175	LT12-627	Phạm Thị Tuyết	06/08/90	Nữ	Kinh	Thạch Hà-Hà Tĩnh	0	KV2-NT	7.25	5.75	1	**14.00**
176	LT12-628	Hoàng Đình Quang	15/06/90	Nam	Kinh	Đông Kinh -Lạng Sơn	0	1	6.75	5.50	1.5	**14.00**
177	LT12-629	Trần Hải Vân	27/06/88	Nữ	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	7.75	6.00	0.5	**14.50**
178	LT12-630	Đào Tiến Thảo	05/12/75	Nam	Kinh	Phú Bình - Thái Nguyên	0	KV2-NT	7.50	5.75	1	**14.50**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012

Đợt 2 - Ngày thi 22, 23 tháng 9 năm 2012

Ngành Kỹ thuật Điều khiển và TĐH - Chuyên ngành Tự động hóa XNCN - ĐH Chính quy

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
1	LT12-333	Nguyễn Tuấn Anh	27/01/1991	Nam	Kinh	Phú Cứ- Hưng Yên	0	KV2-NT	6.00	6.00	1	**13.00**
2	LT12-336	Trần Đức Chiến	15/04/1973	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	5.50	6.00	0.5	**12.00**
3	LT12-337	Nguyễn Khắc Chính	10/12/1989	Nam	Kinh	TP Bắc Giang	0	2	6.00	6.50	0.5	**13.00**
4	LT12-338	Nông Thị Hồng Chinh	01/12/1989	Nữ	Nùng	Đại Từ Thái Nguyên	1	1	6.00	6.00	3.5	**15.50**
5	LT12-339	Nguyễn Mạnh Chu	26/10/1978	Nam	Kinh	Tân Yên Bắc Giang	0	KV2-NT	5.00	5.00	1	**11.00**
6	LT12-340	Bùi Văn Chung	01/12/1991	Nam	Kinh	Tân Yên Bắc Giang	0	KV2-NT	7.00	6.00	1	**14.00**
7	LT12-341	Đỗ Huy Công	01/11/1983	Nam	Kinh	Tân Long Thái Nguyên	0	2	7.00	6.00	0.5	**13.50**
8	LT12-342	Nguyễn Chí Công	12/09/1991	Nam	Tày	Na Hang- Tuyên Quang	1	1	7.00	6.50	3.5	**17.00**
9	LT12-343	Nguyễn Ngọc Công	01/04/1991	Nam	Kinh	Đại Từ Thái Nguyên	0	1	5.50	6.00	1.5	**13.00**
10	LT12-344	Vũ Ngọc Cưng	26/07/1985	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	6.00	6.00	0.5	**12.50**
11	LT12-345	Đặng Việt Cường	30/09/1988	Nam	Kinh	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	5.00	5.50	1.5	**12.00**
12	LT12-346	Nguyễn Mạnh Cường	28/03/1983	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	6.00	6.50	0.5	**13.00**
13	LT12-347	Lăng Thị Đào	11/12/1990	Nữ	Nùng	Đồng Hỷ Thái Nguyên	1	1	7.00	6.50	3.5	**17.00**
14	LT12-348	Lê Văn Đoàn	26/01/1982	Nam	Kinh	Đại Từ Thái Nguyên	0	1	5.00	6.00	1.5	**12.50**
15	LT12-349	Nguyễn Mạnh Đông	16/12/1980	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	6.00	6.00	0.5	**12.50**
16	LT12-350	Nguyễn Đình Đức	06/10/1984	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	7.00	5.00	0.5	**12.50**
17	LT12-351	Nguyễn Tiến Đức	02/08/1980	Nam	Kinh	Vĩnh Trại - TP Lạng Sơn	0	1	6.00	6.00	1.5	**13.50**
18	LT12-352	Phạm Việt Đức	03/08/1991	Nam	Kinh	Phú Lương - Thái Nguyên	0	1	5.50	7.00	1.5	**14.00**
19	LT12-354	Lương Văn Đương	05/12/1991	Nam	Kinh	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	6.00	5.50	1.5	**13.00**
20	LT12-356	Dương Văn Duy	25/06/1991	Nam	Kinh	Phú Bình - Thái Nguyên	0	KV2-NT	8.00	6.50	1	**15.50**
21	LT12-357	Lường Hữu Giang	15/08/1991	Nam	Kinh	Cẩm Thuỷ - Thanh Hoá	0	1	5.50	6.50	1.5	**13.50**
22	LT12-358	Nguyễn Trường Giang	24/08/1991	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	5.00	5.00	0.5	**10.50**
23	LT12-359	Hoàng Thị Hảo	19/02/1989	Nữ	Sán Dìu	TP Thái Nguyên	1	1	5.50	6.00	3.5	**15.00**
24	LT12-360	Nguyễn Mạnh Hào	18/11/1989	Nam	Kinh	Phổ Yên Thái Nguyên	0	KV2-NT	5.50	5.00	1	**11.50**
25	LT12-361	Đỗ Thị Thanh Hiền	29/11/1990	Nữ	Kinh	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	6.00	5.00	1.5	**12.50**
26	LT12-363	Vũ Thế Hiệp	20/09/1988	Nam	Kinh	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	5.00	5.00	1.5	**11.50**
27	LT12-364	Lăng Văn Hiệu	07/01/1981	Nam	Nùng	Võ Nhai Thái Nguyên	1	1	5.00	5.50	3.5	**14.00**
28	LT12-365	Phạm Văn Hoà	22/02/1991	Nam	Kinh	Thanh Liêm - Hà Nam	0	KV2-NT	6.00	5.50	1	**12.50**

29	LT12-366	Hoàng Đức Hoan	20/12/1990	Nam	Kinh	Mỹ Đức - Hà Nội	0	KV2-NT	5.50	6.00	1	**12.50**
30	LT12-367	Nguyễn Đức Hoàng	27/08/1988	Nam	Kinh	Cao Ngạn Thái Nguyên	0	1	6.00	6.50	1.5	**14.00**
31	LT12-368	Nguyễn Văn Hoằng	08/01/1991	Nam	Kinh	Yên Phong Bắc Ninh	0	KV2-NT	5.50	5.00	1	**11.50**
32	LT12-369	Lê Thị Huấn	01/02/1990	Nữ	Kinh	Vĩnh Hưng -Vĩnh Phúc	0	KV2-NT	7.00	6.50	1	**14.50**
33	LT12-370	Nguyễn Văn Huấn	26/11/1991	Nam	Kinh	Chiêm Hoá - Tuyên Quang	0	1	6.00	6.00	1.5	**13.50**
34	LT12-372	Nguyễn Quang Hùng	05/02/1989	Nam	Nùng	P Minh Khai Bắc Kạn	1	1	4.50	5.50	3.5	**13.50**
35	LT12-374	Lộc Văn Hữu	04/12/1984	Nam	Nùng	Đại Từ Thái Nguyên	1	1	6.00	5.00	3.5	**14.50**
36	LT12-375	Chu Thị Huyền	07/08/1987	Nữ	Kinh	Nam Phong - TP Nam Định	0	2	7.00	6.00	0.5	**13.50**
37	LT12-376	Phạm Văn Khanh	06/07/1988	Nam	Kinh	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	6.00	5.00	1.5	**12.50**
38	LT12-377	Nguyễn Văn Lộc	13/09/1991	Nam	Kinh	Quỳnh Phụ-Thái Bình	0	KV2-NT	5.00	5.00	1	**11.00**
39	LT12-378	Lê Quang Long	14/03/1988	Nam	Kinh	Võ Nhai Thái Nguyên	0	1	5.00	5.00	1.5	**11.50**
40	LT12-379	Tăng Đức Mạnh	16/12/1985	Nam	Kinh	Đồng Hỷ- Thái Nguyên	0	1	6.00	5.50	1.5	**13.00**
41	LT12-380	Trần Xuân Nghiêm	19/06/1991	Nam	Kinh	Phú Bình - Thái Nguyên	0	1	5.50	5.00	1.5	**12.00**
42	LT12-381	Trần Văn Ngọ	30/07/1990	Nam	Kinh	Đại từ - Thái Nguyên	0	1	6.50	5.50	1.5	**13.50**
43	LT12-383	Triệu Văn Ngọc	03/03/1991	Nam	Nùng	Yên Thế - Bắc Giang	1	1	3.50	6.00	3.5	**13.00**
44	LT12-384	Đinh Văn Nguyên	09/11/1984	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	6.50	5.50	0.5	**12.50**
45	LT12-386	Nguyễn Thị Kim Oanh	22/09/1991	Nữ	Sán Dìu	TP Thái Nguyên	1	2	8.50	7.50	2.5	**18.50**
46	LT12-387	Dương Văn Phong	07/09/1984	Nam	Kinh	Phú Bình - Thái Nguyên	0	KV2-NT	5.00	6.00	1	**12.00**
47	LT12-389	Lê Văn Phương	10/04/1990	Nam	Kinh	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	0	1	5.50	5.00	1.5	**12.00**
48	LT12-390	Lưu Thu Phương	18/09/1990	Nữ	Kinh	Phú Bình - Thái Nguyên	0	1	6.00	6.00	1.5	**13.50**
49	LT12-391	Nguyễn Hoàng Phương	01/08/1991	Nam	Kinh	Tân Yên Bắc Giang	0	KV2-NT	5.50	6.00	1	**12.50**
50	LT12-392	Trương Ngọc Phương	11/08/1990	Nam	Dao	Lâm Bình -Tuyên Quang	1	1	6.00	5.00	3.5	**14.50**
51	LT12-393	Ngân Văn Quynh	08/08/1991	Nam	Thái	Như Thanh - Thanh Hoá	1	1	7.50	5.50	3.5	**16.50**
52	LT12-394	Nguyễn Như Quỳnh	16/04/1982	Nữ	Kinh	Đồng Hỷ Thái Nguyên	0	1	7.00	6.00	1.5	**14.50**
53	LT12-395	Nguyễn Thế Sâm	15/07/1988	Nam	Kinh	Phổ Yên Thái Nguyên	0	1	5.00	5.00	1.5	**11.50**
54	LT12-396	Triệu Văn Sáng	17/12/1991	Nam	Dao	Đồng Hỷ Thái Nguyên	1	1	3.50	5.00	3.5	**12.00**
55	LT12-397	Đặng Danh Sơn	12/06/1991	Nam	Kinh	Hậu Lộc Thanh Hoá	0	2	6.00	5.00	0.5	**11.50**
56	LT12-398	Đỗ Tiến Sơn	20/12/1990	Nam	Kinh	Hà Trung - Thanh Hoá	0	KV2-NT	5.00	5.50	1	**11.50**
57	LT12-399	Lành Thái Sơn	20/02/1991	Nam	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	1	1	5.50	6.00	3.5	**15.00**
58	LT12-400	Nguyễn Minh Thái	22/11/1985	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	5.00	5.00	0.5	**10.50**
59	LT12-401	Nguyễn Duy Thắng	07/12/1991	Nam	Sán Dìu	Phú Lương - Thái Nguyên	1	1	6.00	5.50	3.5	**15.00**
60	LT12-402	Lê Duy Thất	10/07/1984	Nam	Kinh	Phú Bình - Thái Nguyên	0	KV2-NT	5.00	6.00	1	**12.00**
61	LT12-403	Nguyễn Cao Thế	10/06/1990	Nam	Tày	Bắc Quang - Hà Giang	1	1	6.50	6.50	3.5	**16.50**

62	LT12-404	Trần Văn Thiệp	29/11/1983	Nam	Kinh	Đại từ - Thái Nguyên	0	1	5.50	5.50	1.5	**12.50**
63	LT12-406	Nguyễn Tiến Thịnh	08/08/1991	Nam	Kinh	Phổ Yên Thái Nguyên	0	1	6.00	8.00	1.5	**15.50**
64	LT12-407	Đặng Phương Thuý	19/08/1991	Nữ	Kinh	Cam Giá - Thái Nguyên	0	1	7.50	5.50	1.5	**14.50**
65	LT12-408	Lưu Thị Thuỳ	04/06/1991	Nữ	Kinh	Nông Cống - Thanh Hoá	0	KV2-NT	7.00	6.00	1	**14.00**
66	LT12-409	Nguyễn Mạnh Tiến	01/05/1990	Nam	Kinh	Phú Lương Thái Nguyên	0	1	6.00	5.50	1.5	**13.00**
67	LT12-410	Nguyễn Xuân Tiến	05/07/1991	Nam	Kinh	Đại Từ Thái Nguyên	0	1	5.00	5.00	1.5	**11.50**
68	LT12-411	Lô Trọng Tình	18/03/1990	Nam	Tày	Trùng Khánh - Cao Bằng	1	1	5.00	5.50	3.5	**14.00**
69	LT12-412	Nguyễn Văn Toàn	14/11/1991	Nam	Kinh	Thạch Thành Thanh Hoá	0	1	5.00	5.50	1.5	**12.00**
70	LT12-413	Nguyễn Văn Trình	12/09/1991	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	1	5.50	5.50	1.5	**12.50**
71	LT12-414	Nguyễn Văn Trọng	07/11/1991	Nam	Kinh	Yên Thành - Nghệ An	0	1	6.00	5.50	1.5	**13.00**
72	LT12-415	Vũ Thế Trung	18/12/1990	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	5.00	5.00	0.5	**10.50**
73	LT12-416	Nguyễn Xuân Trường	09/12/1989	Nam	Kinh	Phú Bình Thái Nguyên	0	KV2-NT	5.00	5.00	1	**11.00**
74	LT12-417	Phạm Văn Trường	03/10/1991	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	5.50	5.00	1	**11.50**
75	LT12-419	Nguyễn Viết Tuân	21/03/1981	Nam	Kinh	Phú Bình - Thái Nguyên	0	1	5.00	5.00	1.5	**11.50**
76	LT12-420	Ninh Anh Tùng	02/11/1988	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	5.00	5.50	0.5	**11.00**
77	LT12-421	Nguyễn Quang Vinh	18/11/1991	Nam	Kinh	Duy Tiên - Hà Nam	0	KV2-NT	5.00	5.50	1	**11.50**
78	LT12-422	Nông Quang Vinh	04/06/1991	Nam	Tày	Na Rì Bắc Kạn	1	1	5.00	5.50	3.5	**14.00**
79	LT12-423	Nông Văn Vinh	24/10/1990	Nam	Tày	Trùng Khánh - Cao Bằng	1	1	5.00	5.50	3.5	**14.00**
80	LT12-424	Mã Ngọc Vũ	02/04/1991	Nam	Tày	Định Hoá Thái Nguyên	1	1	5.50	5.00	3.5	**14.00**
81	LT12-426	Lê Thị Yến	24/07/1985	Nữ	Tày	Chợ Mới - Bắc Kạn	1	1	5.50	4.50	3.5	**13.50**